

**KHUNG PHÁP LÝ VỀ CHÍNH PHỦ SỐ TRONG KỶ NGUYÊN ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO HƯỚNG TỚI QUẢN TRỊ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM***

LÊ THỊ HOÀNG MINH**

Ngày nhận bài: 24/10/2025

Ngày phản biện: 15/11/2025

Ngày đăng bài: 25/02/2026

Tóm tắt:

Trong bối cảnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang diễn ra sâu rộng, xây dựng Chính phủ số trở thành xu hướng tất yếu trong tiến trình hiện đại hóa nền hành chính quốc gia, đồng thời đặt ra yêu cầu bảo đảm sự cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Trên cơ sở tiếp cận các vấn đề lý luận về đổi mới sáng tạo, Chính phủ số, phát triển bền vững, bài viết hướng đến việc xác định một số tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng của khung pháp luật đối với yêu cầu cân bằng này. Đồng thời, bài viết phân tích thực trạng khung pháp luật về Chính phủ số của Việt Nam, đánh giá mức độ đáp ứng của từng tiêu chí, đồng thời đặt trong tương quan so sánh với khung pháp luật của một số quốc gia nhằm làm rõ những điểm tương đồng, khác biệt và xu hướng chung. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng trong bài viết gồm phân

Abstract:

In the context of the profound expansion of innovation and digital transformation, building a digital government has become an inevitable trend in the modernization of national public administration, while simultaneously raising the requirement to ensure a balance between innovation and sustainable development. Based on an examination of the theoretical foundations of innovation, digital government, and sustainable development, this article aims to identify a set of criteria for assessing the extent to which the legal framework meets this balancing requirement. The article further examines the current legal framework for digital government in Vietnam, evaluates the degree to which each criterion is satisfied, and situates this assessment within a comparative perspective by reference to the legal frameworks of several other countries,

* Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu trong luận án của NCS có tiêu đề: “Hoàn thiện khung pháp lý để xây dựng Chính phủ số ở Việt Nam”.

** NCS Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Giảng viên Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;
Email: minhlt@due.edu.vn

tích, so sánh và tổng hợp. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số định hướng nhằm hoàn thiện khung pháp lý về Chính phủ số tại Việt Nam theo hướng vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, vừa bảo đảm các giá trị cốt lõi của phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay.

Từ khoá:

Khung pháp lý, chính phủ số, kỷ nguyên đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, Việt Nam.

thereby clarifying similarities, differences, and prevailing trends. The research primarily employs legal analysis, comparative analysis, and synthesis. On the basis of the findings, the article proposes several orientations for improving Vietnam's legal framework for digital government in a manner that both promotes innovation and safeguards the core values of sustainable development in the contemporary context.

Keywords:

Legal framework, digital government, innovation era, sustainable development, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh kỷ nguyên đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang diễn ra sâu rộng trên phạm vi toàn cầu, xây dựng Chính phủ số trở thành xu hướng tất yếu trong tiến trình hiện đại hoá hoạt động quản trị nhà nước. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra những thách thức pháp lý mới, đặc biệt là yêu cầu bảo đảm sự cân bằng giữa thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững. Vì vậy, khung pháp lý về Chính phủ số vừa cần có tính linh hoạt để thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, vừa cần đủ ổn định để có khả năng định hướng cho các mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy khung pháp lý để xây dựng Chính phủ số đã từng bước được hình thành song vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về tính thích ứng và khả năng gắn kết với yêu cầu phát triển bền vững, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Mặc dù các vấn đề về xây dựng Chính phủ số, đổi mới sáng tạo hay phát triển bền vững đã được đề cập trong nhiều nghị quyết của đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước và các công trình nghiên cứu nhưng vẫn thiếu những nghiên cứu mang tính hệ thống, chuyên sâu về mối quan hệ giữa các yếu tố này dưới góc độ pháp lý. Từ đó, bài viết đặt ra và trả lời cho câu hỏi nghiên cứu: Khung pháp luật hiện hành về xây dựng

Chính phủ số tại Việt Nam đã đáp ứng đến mức độ nào yêu cầu phát triển bền vững trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo? Trên cơ sở xây dựng các tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng của khung pháp lý về Chính phủ số đối với yêu cầu phát triển bền vững trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo và phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam, bài viết làm rõ những ưu điểm và hạn chế của khung pháp lý hiện hành, từ đó đề xuất một số định hướng hoàn thiện pháp luật nhằm xây dựng Chính phủ số theo hướng đổi mới, bền vững và phù hợp với bối cảnh Việt Nam hiện nay.

2. Khái lược về kỷ nguyên đổi mới sáng tạo, Chính phủ số và phát triển bền vững

Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, xã hội đã có những chuyển biến rõ nét về mọi mặt, khởi đầu cho một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên đổi mới sáng tạo. Dưới góc độ khoa học, cho đến nay đã có một số nghiên cứu kinh tế - xã hội có đề cập đến kỷ nguyên này song chưa có nghiên cứu nào đưa ra định nghĩa về “*kỷ nguyên đổi mới sáng tạo*” hay “*innovation era*”. Vì vậy, nội hàm khái niệm này gắn liền với cách hiểu về thuật ngữ “*đổi mới sáng tạo*” đã được tiếp cận và đưa ra định nghĩa cả dưới góc độ khoa học lẫn pháp lý. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), đổi mới sáng tạo là “*một sản phẩm, một quy trình mới hoặc được cải tiến (hoặc có sự kết hợp cả hai yếu tố này) có sự khác biệt đáng kể so với các sản phẩm, quy trình trước đây và sản phẩm này đã được cung cấp cho người dùng tiềm năng hoặc quy trình này đã được đơn vị đưa vào sử dụng trong thực tiễn*”¹. Định nghĩa này đã được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (World Intellectual Property Organization - WIPO) - một cơ quan của Liên hợp quốc kế thừa và mở rộng khi tiến hành đánh giá chỉ số đổi mới sáng tạo đối với các quốc gia trên thế giới năm 2014. Theo WIPO, khái niệm đổi mới sáng tạo đã được mở rộng - không còn giới hạn trong các phòng thí nghiệm nghiên cứu và phát triển (R&D) hay các bài báo khoa học đã được công bố mà mang tính khái quát, đa chiều hơn, bao gồm cả khía cạnh xã hội, mô hình kinh doanh và kỹ thuật². Mặc dù quan điểm về “*đổi mới sáng tạo*” bắt nguồn từ lĩnh vực thương mại, được khởi nguồn từ nhà kinh tế Joseph Schumpeter³ song đến nay đã được mở

¹ OECD (2018), *The Measurement of Scientific, Technological and Innovation Activities: Oslo Manual 2018 - Guidelines for Collecting Reporting and Using Data on Innovation*, https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2018/10/oslo-manual-2018_g1g9373b/9789264304604-en.pdf, truy cập ngày 27/9/2025, tr.20.

² WIPO (2024), *Global Innovation Index 2024 - Unlocking the Promise of Social Entrepreneurship*, https://www.wipo.int/web-publications/global-innovation-index-2024/assets/67729/2000%20Global%20Innovation%20Index%202024_WEB3lite.pdf, truy cập ngày 27/9/2025, tr. 250.

³ Bùi Thị Hồng Hà (2023), *Tâm quan trọng, cơ hội và thách thức đối với đổi mới sáng tạo trong khu vực công*, Tạp chí Lý luận chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn/tam-quan-trong-co-hoi-va-thach-thuc-doi-voi-doi-moi-sang-tao-trong-khu-vuc-cong-2089.html>, truy cập ngày 05/10/2025.

rộng ra cả khu vực công và toàn xã hội, thể hiện qua các chỉ số đánh giá phản ánh năng lực đổi mới toàn diện của quốc gia. Một số chỉ số đánh giá khu vực công có thể kể đến như chỉ số về môi trường thể chế, hiệu quả hoạt động của chính phủ (chất lượng dịch vụ công, chất lượng xây dựng và thực thi chính sách...), môi trường pháp lý...⁴.

Tại Việt Nam, khái niệm “đổi mới sáng tạo” đã được ghi nhận lần đầu tiên dưới góc độ pháp lý tại Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, theo đó “*Đổi mới sáng tạo (innovation) là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa*”⁵. Đến nay, vấn đề đổi mới sáng tạo đã được nhấn mạnh hơn thông qua việc ban hành Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 thay thế cho Luật Khoa học và Công nghệ 2013, đồng thời khái niệm “đổi mới sáng tạo” cũng đã có sự sửa đổi, bổ sung. Theo đó, đổi mới sáng tạo được xác định là “*hoạt động tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có*” (Quốc hội, 2025, khoản 3 Điều 3). Có thể thấy định nghĩa ở Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 khá tương đồng với định nghĩa của tổ chức OECD đã nêu trên, song có chiều hướng thiên về hoạt động kinh doanh hơn định nghĩa tại Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.

Dù tiếp cận theo phương diện nào thì các quan điểm cơ bản đều thống nhất cách hiểu đổi mới sáng tạo phải tạo ra cái mới hoặc sự cải tiến đáng kể so với các sản phẩm, mô hình, quy trình đã có. Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, nhiều mô hình, phương thức hoạt động mới đã xuất hiện. Thế giới đang bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên đổi mới sáng tạo. Có thể hiểu kỷ nguyên đổi mới sáng tạo chính là một thời đại, một giai đoạn phát triển của xã hội, trong đó đổi mới sáng tạo trở thành động lực trung tâm của tăng trưởng và phát triển; đồng thời các giá trị xã hội được tạo ra chủ yếu dựa trên tri thức, công nghệ, dữ liệu và năng lực sáng tạo của con người.

Trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo, việc chuyển đổi số hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm hướng đến xây dựng một Chính phủ số là một trong những hướng đi trọng tâm của công cuộc chuyển đổi số quốc gia. Hiện nay đã có khá nhiều nghiên cứu cũng như văn bản pháp luật đưa ra cách hiểu về “*Chính phủ số*” (*Digital government*) với những góc độ, phạm vi nội hàm khái niệm khác nhau. Chẳng hạn như, nghiên cứu “*Recommendation of the Council on Digital Government Strategies*” của tổ chức

⁴ WIPO (2024), *tlđđ*, tr. 281-282.

⁵ Quốc hội (2013), *Luật Khoa học và Công nghệ*, khoản 16 Điều 3.

OECD⁶; quan điểm của Gartner⁷; quan điểm của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) tại “*Cẩm nang Chuyển đổi số*”⁸ hay Luật Chuyển đổi số vừa được Quốc hội Việt Nam thông qua vào tháng 12/2025⁹ cũng đã đưa ra định nghĩa về khái niệm “*Chính phủ số*”. Ở bài viết này, tác giả không tập trung phân tích cách hiểu về Chính phủ số mà chỉ kế thừa cách hiểu phổ quát về vấn đề này để tạo cơ sở cho việc nghiên cứu vấn đề thiết lập khung pháp lý để xây dựng Chính phủ số trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo. Theo đó, Chính phủ số được hiểu là mô hình bộ máy nhà nước được tổ chức và vận hành trên môi trường số, dựa trên công nghệ và dữ liệu số nhằm tối ưu hoá hoạt động quản trị quốc gia. Một điểm nhấn quan trọng của Chính phủ số là mô hình bộ máy nhà nước được thiết kế lại việc tổ chức và hoạt động dựa trên dữ liệu và công nghệ số; từ đó, dẫn đến sự thay đổi một cách cơ bản, toàn diện mục tiêu, phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước - từ trực tiếp sang trực tuyến trên môi trường số. Có thể nói, việc xây dựng Chính phủ số là một trong những phương diện hoạt động đổi mới sáng tạo cơ bản mà các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục triển khai thực hiện khi bước vào kỷ nguyên mới.

Không chỉ hướng đến việc tạo ra các giá trị mới, các hoạt động trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo, trong đó bao gồm hoạt động xây dựng Chính phủ số còn cần bảo đảm gắn kết với mục tiêu phát triển bền vững. Theo Ủy ban thế giới về Môi trường và Phát triển (WCEC), phát triển bền vững được xác định là “*sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai*”¹⁰. Ngoài ra, phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba phương diện: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường¹¹. Đồng thời, vai trò, yêu cầu của đổi mới sáng tạo đối với sự phát triển

⁶ OECD (2014), *Recommendation of the Council on Digital Government Strategies*, <https://legalinstruments.oecd.org/en/instruments/OECD-LEGAL-0406>, truy cập ngày 27/9/2025, tr.6.

⁷ World Bank Group (2016), *Digital government 2020: Prospect for Russia*, <https://openknowledge.worldbank.org/server/api/core/bitstreams/6fd771fc-89cb-502b-8df8-3db419c1ea83/content>, truy cập ngày 27/9/2025, tr. 7.

⁸ Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) (2021), *Cẩm nang Chuyển đổi số*, https://mic.mediacdn.vn/Upload_Moi/FileBaoCao/cam-nang-chuyen-doi-so-2021.pdf, truy cập ngày 23/9/2025, tr. 135.

⁹ Quốc hội (2025), *Luật Chuyển đổi số*, Khoản 11 Điều 3.

¹⁰ World Commission on Environment and Development (WCED) (1987), *Report: Our common future*, https://gat04-live-1517c8a4486c41609369c68f30c8-aa81074.divio-media.org/filer_public/6f/85/6f854236-56ab-4b42-810f-606d215c0499/cd_9127_extract_from_our_common_future_brundtland_report_1987_foreword_chpt_2.pdf, truy cập ngày 27/9/2025, tr.6.

¹¹ Bộ Công Thương (2020), *Phát triển bền vững ở Việt Nam: Tiêu chí đánh giá và định hướng phát triển*, <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-tieu-chi-danh-gia-va-dinh-huo.html>, truy cập ngày 27/9/2025.

bền vững cũng đã được khẳng định bởi các chiến lược của quốc tế cũng như quốc gia. Chẳng hạn như UNESCO khẳng định đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và môi trường - ba trụ cột của phát triển bền vững¹². Tại Việt Nam, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cần gắn với việc nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững cũng đã được ghi nhận thành một nguyên tắc pháp lý¹³. Như vậy, phát triển bền vững là một trong những yêu cầu quan trọng khi bước vào kỷ nguyên đổi mới sáng tạo, là mục tiêu trọng tâm khi thực hiện các hoạt động chuyển đổi số quốc gia, bao gồm cả việc xây dựng một Chính phủ số.

Một số yêu cầu và mục tiêu phát triển bền vững được đề cập trong Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển bền vững của Liên hợp quốc liên quan trực tiếp đến hoạt động quản trị công có thể kể đến như: đảm bảo sự công khai, minh bạch và khả năng giải trình của Chính phủ; thúc đẩy tính bao trùm trong quản trị công để “không ai bị bỏ lại phía sau”; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân; phát triển nền tảng công nghệ số xanh, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường...¹⁴. Đây cũng chính là những yêu cầu cốt lõi đặt ra đối với khung pháp luật về xây dựng Chính phủ số, nhằm hướng đến sự cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

Trong mô hình quản trị quốc gia hiện đại, Chính phủ số, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững có mối quan hệ liên kết chặt chẽ, tác động lẫn nhau. Chính phủ số vừa là kết quả của quá trình đổi mới sáng tạo dựa trên công nghệ số, vừa là thiết chế trung tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực công và toàn xã hội, đồng thời là công cụ quan trọng để hiện thực hoá các mục tiêu phát triển bền vững. Trước hết, Chính phủ số đóng vai trò tạo nền tảng thể chế và pháp lý linh hoạt, minh bạch cho các hoạt động đổi mới sáng tạo như thiết lập và áp dụng các mô hình quản trị mới dựa trên dữ liệu, cơ chế và chính sách thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các giải pháp công nghệ mới, cung cấp dịch vụ công trực tuyến... Ngược lại, tiến trình đổi mới sáng tạo là động lực thúc đẩy cho sự phát triển Chính phủ số. Việc ứng dụng nền tảng dữ liệu lớn, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo... không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước mà còn làm thay đổi một cách cơ bản phương thức quản trị

¹² UNESCO (2025), *Science and Innovation at the heart of UNESCO*, <https://www.unesco.org/en/articles/science-and-innovation-heart-unesco>, truy cập ngày 05/10/2025

¹³ Quốc hội (2025), *Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*, khoản 1 Điều 5.

¹⁴ United Nations, (2015), *Transforming our world: The 2030 Agenda for sustainable development*, <https://sdgs.un.org/sites/default/files/publications/21252030%20Agenda%20for%20Sustainable%20Development%20web.pdf>, truy cập ngày 27/9/2025.

cũng như mối quan hệ tương tác giữa Nhà nước với người dân trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách, ra quyết định. Trong mối quan hệ với phát triển bền vững, Chính phủ số và đổi mới sáng tạo ở khu vực công đóng vai trò là động lực quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình, sử dụng hiệu quả các nguồn lực công, qua đó góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Như vậy, có thể khẳng định Chính phủ số là sản phẩm của đổi mới sáng tạo; ngược lại, đổi mới sáng tạo cũng chính là động lực để xây dựng và phát triển Chính phủ số. Đồng thời, cả hai yếu tố này đều phục vụ và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Do đó, việc xây dựng Chính phủ số không thể tách rời chiến lược đổi mới sáng tạo và mục tiêu phát triển bền vững mà cần được đặt trong một khung khổ chính sách và pháp lý thống nhất, bảo đảm sự phát triển linh hoạt, thích ứng và lâu dài.

3. Các tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng của khung pháp luật để xây dựng Chính phủ số đối với yêu cầu phát triển bền vững trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo

Một trong những công cụ giữ vai trò then chốt trong việc định hướng và đảm bảo sự cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững trong tiến trình xây dựng Chính phủ số chính là pháp luật. Trên cơ sở kế thừa các tiêu chí chung về mức độ hoàn thiện của pháp luật, đồng thời dựa trên những đặc trưng của Chính phủ số và các yêu cầu của phát triển bền vững trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo, tác giả đề xuất việc xác định một số tiêu chí cơ bản, đặc thù nhằm xác định mức độ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của khung pháp luật xây dựng Chính phủ số như sau:

Thứ nhất, khung pháp lý để xây dựng Chính phủ số cần đảm bảo tính bao quát, thống nhất và đồng bộ. Chính phủ số hoạt động trên cơ sở liên thông, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền và giữa Nhà nước với người dân, doanh nghiệp. Ngoài ra, khung pháp lý về Chính phủ số điều chỉnh khá nhiều khía cạnh như hạ tầng số, dữ liệu, an ninh mạng, dịch vụ công trực tuyến, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và trách nhiệm pháp lý trong các hoạt động số... Chính vì vậy, khung pháp lý không thể điều chỉnh rời rạc từng lĩnh vực hay hoạt động của từng chủ thể mà cần phải bao quát đồng thời các yếu tố. Bên cạnh đó, tính thống nhất và đồng bộ của khung pháp lý là điều kiện tiên quyết để bảo đảm các hệ thống trong Chính phủ số vận hành thông suốt, tránh tình trạng “cát cứ”, phân mảnh về dữ liệu, thể chế, chính sách, pháp luật - vốn là những rào cản đặc thù trong quá trình xây dựng Chính phủ số. Một khung pháp luật thiếu tính thống nhất có thể dẫn đến những xung đột trong quá trình thực hiện, cản trở đổi mới sáng tạo, và làm suy giảm tính bền

vững của sự phát triển. Chính vì vậy, tính bao quát, thống nhất và đồng bộ là một trong những thuộc tính cốt lõi của khung pháp lý về Chính phủ số, góp phần định hướng quá trình chuyển đổi số trong khu vực công diễn ra hiệu quả, ổn định và bền vững, phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên đổi mới sáng tạo.

Thứ hai, khung pháp luật để xây dựng Chính phủ số cần đảm bảo tính ổn định song hành với tính thích ứng. Một mặt, khung pháp luật về Chính phủ số cần phải bảo đảm tính ổn định để duy trì trật tự pháp lý, tạo cơ sở vững chắc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể cũng như tạo niềm tin cho xã hội trong quá trình số hoá. Mặt khác, Chính phủ số trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo lại vận hành trong môi trường công nghệ biến đổi nhanh chóng với sự xuất hiện liên tục của các công nghệ mới, mô hình quản trị mới cũng như rủi ro mới. Một hệ thống pháp luật chỉ chú trọng vào tính ổn định mà thiếu khả năng thích ứng sẽ khó theo kịp sự thay đổi nhanh chóng của thực tiễn, làm giảm hiệu quả điều chỉnh và thậm chí cản trở quá trình phát triển. Chính vì vậy, khung pháp luật để xây dựng Chính phủ số cần được định hình dựa trên nguyên tắc cân bằng giữa tính ổn định và tính thích ứng. Tính ổn định giúp duy trì sự nhất quán cho việc điều chỉnh các hoạt động quản trị công, trong khi tính thích ứng tạo nên sự linh hoạt của pháp luật trước sự thay đổi của công nghệ. Hai thuộc tính này không đối lập mà bổ trợ cho nhau, cùng hướng đến mục tiêu chung là hình thành một khung pháp luật để xây dựng Chính phủ số vừa bền vững, vừa có khả năng thúc đẩy và dẫn dắt đổi mới sáng tạo. Điều này đòi hỏi việc hình thành được một khung pháp luật “xương sống” song song với các cơ chế linh hoạt như quy định mở, thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) và sự kết hợp giữa “luật cứng” (các quy phạm pháp luật) và “luật mềm” (các quy tắc, hướng dẫn...). Sự kết hợp này là yêu cầu đặc thù của Chính phủ số, khác với hoạt động của Chính phủ theo phương thức truyền thống, trực tiếp có mức độ biến động thấp hơn.

Thứ ba, khung pháp luật để xây dựng Chính phủ số cần có tính gắn kết với mục tiêu phát triển bền vững. Phát triển bền vững là yêu cầu chung của mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Yêu cầu này càng trở nên cấp thiết hơn trong bối cảnh hiện đại hoá, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nói chung và xây dựng Chính phủ số nói riêng. Có thể nói tính gắn kết với mục tiêu phát triển bền vững là một trong những thuộc tính định hướng của khung pháp lý về Chính phủ số. Tiêu chí này đòi hỏi khung pháp lý về Chính phủ số phải được thiết kế gắn chặt với các mục tiêu phát triển bền vững, thể hiện qua việc bảo đảm tiếp cận công bằng đối với dịch vụ công, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, thu hẹp khoảng cách số, không để ai bị bỏ lại phía sau, đồng thời hỗ

trợ việc hoạch định và thực thi chính sách kinh tế, xã hội, môi trường hiệu quả bằng các công nghệ số và dựa trên dữ liệu số. Tính gắn kết này phản ánh tầm nhìn chiến lược của hệ thống pháp luật trong quá trình xây dựng Chính phủ số. Chính phủ số chỉ có thể phát triển bền vững khi được thiết lập trên một nền tảng pháp lý vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo vừa bảo đảm rằng các tiến bộ công nghệ được định hướng phục vụ con người và sử dụng hợp lý các nguồn lực cho lợi ích lâu dài của các thế hệ tương lai. Chính sự kết hợp này đã làm cho khung pháp lý về Chính phủ số trở thành một khung pháp lý mang tính định hướng phát triển, có sự khác biệt cơ bản với khuôn khổ pháp luật điều chỉnh theo từng ngành, lĩnh vực, với phạm vi và mục tiêu điều chỉnh giới hạn hơn.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, tính bao quát, thống nhất và đồng bộ; tính ổn định song hành với tính thích ứng và tính gắn kết với mục tiêu phát triển bền vững không chỉ là yêu cầu chung của pháp luật hiện đại mà là những tiêu chí chuyên biệt, mang tính đặc thù của khung pháp lý về Chính phủ số. Các tiêu chí này phản ánh trực tiếp bản chất liên ngành, tính động và định hướng giá trị của Chính phủ số trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo; đồng thời, tạo cơ sở lý luận cho việc đánh giá mức độ hoàn thiện của khung pháp lý về Chính phủ số ở từng quốc gia.

4. Thực trạng khung pháp lý xây dựng Chính phủ số ở Việt Nam - Khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo và kiến nghị hoàn thiện

4.1. Thực trạng khung pháp lý xây dựng Chính phủ số ở Việt Nam - Khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo

Trong bối cảnh đổi mới sáng tạo đang diễn ra mạnh mẽ, Việt Nam đã từng bước hình thành khung pháp luật xây dựng Chính phủ số nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình quản trị nhà nước theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Tuy nhiên, khi đối chiếu với các tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đã nêu, có thể thấy khung pháp luật hiện hành dù đã đạt được những kết quả nhất định song vẫn còn bộc lộ không ít hạn chế. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với yêu cầu về tính bao quát, thống nhất và đồng bộ. Khung pháp lý về xây dựng Chính phủ số ở Việt Nam đã được hình thành và ngày càng hoàn thiện. Nhìn chung, khung pháp luật hiện hành đã điều chỉnh tương đối toàn diện các khía cạnh, phương diện của Chính phủ số như hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu, an ninh mạng, giao dịch điện tử, dịch vụ công trực tuyến, trí tuệ nhân tạo... tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Dữ liệu năm 2024,

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025; Luật An ninh mạng năm 2025, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025... Sự ra đời của các văn bản quy phạm pháp luật này đã góp phần tạo nền tảng pháp lý tương đối bao quát cho tiến trình chuyển đổi số của bộ máy nhà nước.

Tuy nhiên, với cách thức quy định từng lĩnh vực chuyên ngành bằng các văn bản pháp lý riêng biệt như vậy cũng dẫn đến tình trạng khung pháp luật hiện hành thiếu tính thống nhất, hệ thống, dẫn đến nguy cơ chồng chéo, phân mảnh trong điều chỉnh và áp dụng pháp luật. Chẳng hạn như cùng điều chỉnh về vấn đề thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số, dịch vụ công trực tuyến nhưng có khá nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành trong thời gian qua như Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 Về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 Về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia... Sự ra đời, tồn tại của nhiều văn bản quy phạm pháp luật cũng dẫn đến những khó khăn nhất định cho việc tiếp cận, tra cứu, thực hiện đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Hay việc xác định, phân loại dữ liệu được quy định khác nhau giữa các văn bản, dẫn đến sự phức tạp, rối rắm trong việc tiếp cận, hiểu và triển khai thực hiện. Cụ thể như, theo Luật Dữ liệu, thì dữ liệu hay dữ liệu số được phân loại thành một số nhóm như dữ liệu dùng chung, dữ liệu dùng riêng; dữ liệu mở, dữ liệu gốc; dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi¹⁵. Luật Giao dịch điện tử đã bãi bỏ quy định giải thích về “dữ liệu số” và xác định dữ liệu điện tử là một loại dữ liệu được “tạo ra, xử lý bằng phương tiện điện tử”¹⁶. Nghị định số 47/2020/NĐ-CP thì đề cập đến dữ liệu số, dữ liệu mở, dữ liệu danh mục dùng chung, dữ liệu chủ¹⁷... Như vậy, các quy định về việc xác định, phân loại dữ liệu chưa đảm bảo được sự đồng bộ, thống nhất, có khả năng dẫn đến những khó khăn nhất định trong việc triển khai trên thực tiễn khi thực hiện kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trong thời gian qua, Quốc hội đã ban hành Luật Chuyển đổi số năm 2025 tạo nền tảng pháp lý cho tiến trình chuyển đổi số quốc gia, trong đó bao hàm việc xây dựng Chính phủ số. Tuy nhiên, bên cạnh các quy định liên quan đến chuyển đổi số nói chung thì Luật Chuyển đổi số chỉ có 5 điều điều chỉnh một số vấn đề đặc thù của

¹⁵ Quốc hội (2024), *Luật Dữ liệu*, Điều 3.

¹⁶ Quốc hội (2023), *Luật Giao dịch điện tử*, Điều 3.

¹⁷ Chính phủ (2020), *Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước*, Điều 3.

Chính phủ số - chưa đủ khả năng tạo được một nền tảng “luật khung” cho việc hình thành khung pháp lý về Chính phủ số. Trong khi đó, nhiều quốc gia được đánh giá là đi đầu về Chính phủ số như Hoa Kỳ, Hàn Quốc... đã ban hành một luật riêng điều chỉnh các khía cạnh nền tảng của Chính phủ điện tử, Chính phủ số¹⁸.

Có thể thấy, mặc dù khung pháp luật Việt Nam để xây dựng chính phủ số đã được mở rộng hơn về phạm vi điều chỉnh và hoàn thiện hơn về nội dung nhưng tính thống nhất và đồng bộ - yếu tố quyết định để bảo đảm hiệu quả thực thi vẫn còn là hạn chế cần tiếp tục được khắc phục. Những bất cập này nếu không được xử lý kịp thời sẽ ảnh hưởng nhất định đến tính bền vững của quá trình phát triển Chính phủ số trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo.

Thứ hai, đối với yêu cầu về tính ổn định và tính thích ứng. Tính ổn định của khung pháp luật Việt Nam hiện hành thể hiện ở việc thiết lập các quy định, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mang tính nguyên tắc, luật khung hoặc một số vấn đề đã được điều chỉnh bằng các văn bản luật thay vì văn bản dưới luật. Chẳng hạn như, các vấn đề liên quan đến giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước đã được điều chỉnh bằng Luật Giao dịch điện tử năm 2023, làm nền tảng cho việc triển khai trên thực tiễn bằng các văn bản dưới luật như Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 Quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 Về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia... Bên cạnh đó, một trong những vấn đề quan trọng trong bối cảnh xây dựng Chính phủ số là bảo vệ dữ liệu cá nhân từ chỗ được điều chỉnh bằng văn bản dưới luật (Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về Bảo vệ dữ liệu cá nhân) đã được nâng lên thành Luật (Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025). Không những thế, để tạo cơ sở cho việc đảm bảo tính ổn định, vững chắc của khung pháp luật về chính phủ số nói riêng, chuyển đổi số quốc gia nói chung, Quốc hội đã thông qua Luật Chuyển đổi số. Đây chính là những biểu hiện cho thấy khung pháp luật của Việt Nam ngày càng đáp ứng được yêu cầu về sự hài hòa giữa tính ổn định và thích ứng trong bối cảnh chuyển đổi số.

¹⁸ American Congress (2002), E-Government Act, <https://www.congress.gov/107/plaws/publ347/PLAW-107publ347.pdf>, truy cập ngày 27/9/2025.

National Assembly of the Republic of Korea (2001), Electronic Government Act, truy cập tại https://elaw.klri.re.kr/eng_service/lawView.do?hseq=17369&lang=ENG, truy cập ngày 27/9/2025.

Tuy nhiên, xét một cách toàn diện, hai thuộc tính này của khung pháp luật Việt Nam còn tồn tại những hạn chế nhất định. Hạn chế về tính ổn định thể hiện ở chỗ một số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, áp dụng trong thời gian chưa lâu thì đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Ví dụ như Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử chỉ mới được áp dụng hơn một năm đã bị thay thế bởi Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính chỉ mới được ban hành vào ngày 23/4/2018 thì đến năm 2021 đã phải sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 và đến năm 2025 thì bị thay thế bởi Nghị định số 118/2025/NĐ-CP... Việc sửa đổi, bổ sung khá nhiều các văn bản quy phạm pháp luật trong thời gian qua ít nhiều cũng sẽ dẫn đến những khó khăn nhất định cho việc cập nhật, áp dụng, thực hiện trên thực tế của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Nếu khung pháp lý không đảm bảo tính ổn định tương đối sẽ phần nào ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả trong tiến trình xây dựng chính phủ số.

Ngoài ra, tính thích ứng và khả năng đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo của khung pháp luật Việt Nam ở phương diện nào đó vẫn có những hạn chế so với tốc độ phát triển của công nghệ và yêu cầu thực tiễn quản trị số. Chẳng hạn như nhiều cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, nền tảng số đã được xây dựng, đưa vào vận hành trong cơ quan nhà nước song vẫn chưa có quy định cụ thể về kinh phí cho việc khai thác, vận hành, duy trì như cơ sở dữ liệu về đất đai, về doanh nghiệp, bảo hiểm, xuất nhập cảnh... Bên cạnh đó, một số hành vi bị cấm trong hoạt động quản trị công, giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước đã được ghi nhận trong Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Dữ liệu năm 2024, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 nhưng hiện chưa có quy định pháp luật cụ thể về chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm này. Một số vấn đề mới như ứng dụng AI vào việc ban hành quyết định hành chính, cơ chế thử nghiệm pháp lý có kiểm soát (regulatory sandbox) dành cho Chính phủ số, AI chưa được quy định hoặc chỉ mới được ghi nhận ở mức độ cơ bản tại các Luật mà chưa có quy định hướng dẫn thi hành. Nếu pháp luật về Chính phủ số không điều chỉnh kịp thời để theo kịp sự phát triển của công nghệ và thực tiễn có khả năng dẫn đến những rủi ro xâm phạm quyền con người, quyền công dân, gây lúng túng trong tổ chức thực hiện, giảm hiệu lực quản lý nhà nước và ảnh hưởng đến tính bền vững của tiến trình chuyển đổi số.

Như vậy, có thể thấy khung pháp luật Việt Nam đã có những tiến bộ song vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của sự bền vững nhưng linh hoạt trong việc điều chỉnh một số vấn đề liên quan trong tiến trình xây dựng Chính phủ số.

Thứ ba, đối với yêu cầu về tính gắn kết với mục tiêu phát triển bền vững. Đây không chỉ là mục tiêu, định hướng cho hoạt động xây dựng Chính phủ số trên thực tiễn mà đã trở thành những vấn đề pháp lý, thể hiện qua các quy định về nguyên tắc hoạt động trong quản trị công cũng như một số quy định cụ thể. Chẳng hạn, những nguyên tắc trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu được ghi nhận trong Luật Dữ liệu năm 2025 đã phản ánh khá rõ nét sự gắn kết với một số yêu cầu của sự phát triển bền vững như “bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”; “bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng trong tiếp cận, khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật”; “bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, an ninh, an toàn”¹⁹... Bên cạnh đó, các nguyên tắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn liền với yêu cầu phát triển bền vững cũng đã được ghi nhận thành các nguyên tắc pháp lý, cụ thể các hoạt động này phải “xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và dự báo xu hướng phát triển; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; lấy con người làm trung tâm, tôn trọng quyền con người”; “bảo đảm công bằng trong tiếp cận công nghệ”²⁰... Tính gắn kết với mục tiêu phát triển bền vững còn được thể hiện ở các quy định pháp luật điều chỉnh một số phương diện của hoạt động chuyển đổi số trong khu vực công, bao gồm quy định về trình tự, thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến²¹, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước²² cũng như trách nhiệm của cơ quan Nhà nước đối với các hoạt động liên quan²³...

Tuy nhiên, ở một số khía cạnh nhất định, mức độ gắn kết này còn mang tính định hướng, chưa được cụ thể hóa đầy đủ trong hệ thống pháp luật. Chẳng hạn như các quy định pháp luật hiện nay chỉ mới dừng lại ở việc ưu tiên sử dụng “giải pháp khoa học và công nghệ góp phần bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu”²⁴ hay khuyến khích “phát triển hệ thống tiêu chuẩn làm nền tảng thiết lập chuẩn mực trình độ công nghệ, định hướng nghiên cứu, phát triển,

¹⁹ Quốc hội (2024), *Luật Dữ liệu*, khoản 1, 2, 3 Điều 5.

²⁰ Quốc hội (2025), *tlđđ*, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6.

²¹ Chính phủ (2025), *Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 Về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia*, Điều 15-22.

²² Chính phủ (2025), *tlđđ*, Điều 6.

²³ Chính phủ (2022), *Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng*, Điều 15, 16, 27-29.

Chính phủ (2025), *tlđđ*, Điều 9, 10.

²⁴ Quốc hội (2025), *tlđđ*, khoản 1 Điều 6.

ứng dụng công nghệ, tạo cơ sở cho việc ngăn chặn, loại bỏ công nghệ lạc hậu, công nghệ ảnh hưởng xấu đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, sức khỏe con người...; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo”²⁵... mà chưa có quy định cụ thể về tiêu chuẩn pháp lý đối với công nghệ xanh, chuyển đổi số thân thiện với môi trường hay đổi mới sáng tạo có trách nhiệm, gắn với yêu cầu phát triển bền vững. Việc thiếu các tiêu chuẩn pháp lý cụ thể cũng có thể dẫn đến những hạn chế trong khả năng thực thi, kiểm tra, giám sát và đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật; dẫn đến những khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo đảm các hoạt động chuyển đổi số được triển khai phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo.

Có thể thấy, khung pháp luật Việt Nam về Chính phủ số bước đầu đã định hình được mối liên kết giữa đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững, song vẫn cần được củng cố bằng các quy định cụ thể và mang tính ràng buộc pháp lý cao hơn.

4.2. Khuyến nghị hoàn thiện khung pháp lý để xây dựng Chính phủ số trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo nhằm định hướng cho sự phát triển bền vững ở Việt Nam

Trên cơ sở nhận diện một số ưu điểm, hạn chế của khung pháp luật Việt Nam trong tiến trình xây dựng Chính phủ số, bài viết đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý này về phương diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo, cụ thể như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp luật theo hướng đồng bộ, tổng thể và thống nhất. Cần rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến Chính phủ số để khắc phục tình trạng manh mún, phân tán, trùng lặp, chồng chéo hoặc những vấn đề chưa được quy định, hướng dẫn của khung pháp luật như đã phân tích. Đây chính là cơ sở để đảm bảo tính tổng thể, thống nhất, đồng bộ của khung pháp luật, khắc phục được tình trạng một vấn đề nhưng được quy định phân tán, manh mún ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Việc sớm rà soát, hệ thống hóa các quy định pháp luật hiện hành sẽ là điều kiện tiên quyết để nâng cao tính minh bạch, nhất quán và khả năng phối hợp trong xây dựng Chính phủ số, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo.

Thứ hai, hoàn thiện khung pháp luật hướng đến đảm bảo sự cân bằng giữa tính ổn định và khả năng thích ứng, đổi mới sáng tạo. Việc ban hành một luật khung là Luật Chuyển đổi số với những quy định chung và quy định đặc thù về Chính phủ số là cơ sở cho việc tăng cường tính ổn định của khung pháp luật. Tuy nhiên, cần bổ sung một số quy định đặc thù liên quan đến Chính phủ số tại Luật này như ứng dụng AI vào

²⁵ Quốc hội (2025), *ltdđ*, khoản 4 Điều 5.

việc ban hành quyết định hành chính, cơ chế đảm bảo sự minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thu thập, sử dụng, quản lý dữ liệu cá nhân của người dân... Ngoài ra, cần xem xét thiết lập cơ chế thử nghiệm pháp lý có kiểm soát (regulatory sandbox) như một công cụ nhằm đánh giá tính khả thi và tác động của chính sách và quy định đổi mới sáng tạo trong quản trị công trước khi áp dụng chính thức. Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định về cơ chế đánh giá tác động, hiệu quả pháp lý định kỳ nhằm kịp thời sửa đổi các quy định không phù hợp, qua đó góp phần duy trì tính ổn định tương đối nhưng vẫn đảm bảo khả năng thích ứng của khung pháp luật.

Thứ ba, hoàn thiện khung pháp luật trên cơ sở lồng ghép, cụ thể hoá các nguyên tắc phát triển bền vững. Bên cạnh việc ghi nhận các nguyên tắc mang tính định hướng thì cần cụ thể hoá thành các quy định pháp lý khả thi, tạo cơ sở để hiện thực hoá các mục tiêu phát triển bền vững trong tiến trình xây dựng Chính phủ số. Theo đó, khung pháp luật cần bổ sung các quy định yêu cầu các cơ quan nhà nước phải đánh giá các tác động xã hội, môi trường và quyền con người trước khi triển khai các ứng dụng hoặc dự án công nghệ số nhằm bảo đảm việc chuyển đổi số khu vực công gắn liền với phát triển bền vững. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế khuyến khích và hỗ trợ các sáng kiến, giải pháp công nghệ số xanh phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững trong quản trị công. Ngược lại, cần bổ sung quy định về biện pháp xử lý và chế tài đối với các hành vi vi phạm trong quá trình ứng dụng công nghệ số, đổi mới sáng tạo hoạt động quản lý nhà nước mà có thể gây tác động tiêu cực đến xã hội, môi trường hoặc xâm phạm đến quyền con người.

5. Kết luận

Xây dựng Chính phủ số trong kỷ nguyên đổi mới sáng tạo không chỉ là yêu cầu tất yếu của tiến trình hiện đại hoá hoạt động quản trị quốc gia mà còn là điều kiện để hiện thực hoá mục tiêu phát triển bền vững. Trong đó, khung pháp luật đóng vai trò then chốt trong việc định hướng, điều chỉnh và bảo đảm sự cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và các mục tiêu phát triển bền vững. Vì vậy, việc hoàn thiện khung pháp lý để xây dựng Chính phủ số tại Việt Nam cần được tiến hành một cách toàn diện và có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng giai đoạn phát triển nhằm thiết lập một nền quản trị hiện đại, minh bạch và bền vững trong không gian số.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2013), *Luật Khoa học và Công nghệ*.
2. Quốc hội (2023), *Luật Giao dịch điện tử*.

3. Quốc hội (2024), *Luật Dữ liệu*.
4. Quốc hội (2025), *Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*.
5. Quốc hội (2025), *Luật Chuyển đổi số*.
6. Chính phủ (2020), *Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước*.
7. Chính phủ (2022), *Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng*.
8. Chính phủ (2025), *Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 Về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia*.
9. Bộ Công Thương (2020), *Phát triển bền vững ở Việt Nam: Tiêu chí đánh giá và định hướng phát triển*, <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-tieu-chi-danh-gia-va-dinh-huo.html>, truy cập ngày 27/9/2025.
10. Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) (2021), *Cẩm nang Chuyển đổi số*, https://mic.mediacdn.vn//Upload_Moi/FileBaoCao/cam-nang-chuyen-doi-so-2021.pdf, truy cập ngày 23/9/2025.
11. Bùi Thị Hồng Hà (2023), *Tầm quan trọng, cơ hội và thách thức đối với đổi mới sáng tạo trong khu vực công*, Tạp chí Lý luận chính trị, <https://lyluanchinhtri.vn/tam-quan-trong-co-hoi-va-thach-thuc-doi-voi-doi-moi-sang-tao-trong-khu-vuc-cong-2089.html>, truy cập ngày 05/10/2025.
12. OECD (2014), *Recommendation of the Council on Digital Government Strategies*, <https://legalinstruments.oecd.org/en/instruments/OECD-LEGAL-0406>, truy cập ngày 27/9/2025.
13. OECD (2018), *The Measurement of Scientific, Technological and Innovation Activities: Oslo Manual 2018 - Guidelines for Collecting Reporting and Using Data on Innovation*, https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications /reports/2018/10/oslo-manual-2018_g1g9373b/9789264304604-en.pdf, truy cập ngày 27/9/2025.
14. UNESCO (2025), *Science and Innovation at the heart of UNESCO*, <https://www.unesco.org/en/articles/science-and-innovation-heart-unesco>, truy cập ngày 05/10/2025.
15. United Nations (2015), *Transforming our world: The 2030 Agenda for sustainable development*, <https://sdgs.un.org/sites/default/files/publications/21252030%20Agenda%20for%20Sustainable%20Development%20web.pdf>, truy cập ngày 27/9/2025.

16. WIPO (2024), *Global Innovation Index 2024 - Unlocking the Promise of Social Entrepreneurship*, https://www.wipo.int/web-publications/global-innovation-index-2024/assets/67729/2000%20Global%20Innovation%20Index%202024_WEB3_lite.pdf, truy cập ngày 27/9/2025.

17. World Bank Group (2016), *Digital government 2020: Prospect for Russia*, <https://openknowledge.worldbank.org/server/api/core/bitstreams/6fd771fc-89cb-502b-8df8-3db419c1ea83/content>, truy cập ngày 27/9/2025

18. World Commission on Environment and Development (WCED) (1987), *Report: Our common future*, https://gat04-live-1517c8a4486c41609369c68f30c8-aa81074.divio-media.org/filer_public/6f/85/6f854236-56ab-4b42-810f-606d215c0499/cd_9127_extract_from_our_common_future_brundtland_report_1987_foreword_chpt_2.pdf, truy cập ngày 27/9/2025.